

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2026

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phúc

2. Ông Trần Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bích Trăm – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2026/QĐ-DS ngày 23 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2/- Bị đơn: Anh Nguyễn Hải D, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 19/12/2026 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Hải D kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm rồi tiến tới hôn nhân. Chị và anh D có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 20/09/2022. Quá trình sống chung hạnh phúc được một thời gian, đến

khoảng tháng 07/2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau, bất đồng quan điểm khi sống chung. Chị đã tích cực hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hải D.

Về con chung: Chị và anh D sống chung với nhau có 02 con chung, các cháu tên là Nguyễn Hải Đ (nam), sinh ngày 09/01/2023 và cháu Nguyễn Hải Y (nữ), sinh ngày 23/08/2024. Hiện nay các cháu đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Hải D vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Hải D do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hải D. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn anh Nguyễn Hải D có địa chỉ tại xã T nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị P đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cung cấp và giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị P. Đối với bị đơn anh Nguyễn Hải D, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: [3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị P: Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Hải D là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2022 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện

C, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20/9/2022. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không thể sống chung nên đã ly thân một thời gian dài. Điều này chứng minh đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình tố tụng, chị P vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh D vì không còn tình cảm. Phía anh D được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến để hòa giải, hàn gắn gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Hải D. Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh D không còn tồn tại nên Hội đồng xét xử xác định Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2022 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20/9/2022 cho chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Hải D không còn giá trị pháp lý.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị P: Hội đồng xét xử nhận thấy chị P và anh D sống chung với nhau có 02 con chung: cháu Nguyễn Hải Đ (nam), sinh ngày 09/01/2023 và cháu Nguyễn Hải Y (nữ), sinh ngày 23/08/2024. Hiện nay các cháu đang sống chung với chị P. Do đó, nhằm ổn định chỗ ở của các cháu, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Hải Đ và cháu Nguyễn Hải Y cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Do anh D không trực tiếp nuôi con chung nên anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu theo quy định của pháp luật. Hiện tại mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật tại vùng 3 cho mỗi cháu là 2.070.000 đồng. Do đó, anh D phải cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 2.070.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi (mức cấp dưỡng này thay đổi theo mức lương tối thiểu vùng). Do anh D không trực tiếp nuôi con nên chị P phải tạo điều kiện thuận lợi để anh D được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3.3] Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị Nguyễn Thị P phải chịu là 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng, anh Nguyễn Hải D phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia

đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Hải D. Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2022 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20/9/2022 cho chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Hải D không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Đ (nam), sinh ngày 09/01/2023 và cháu Nguyễn Hải Y (nữ), sinh ngày 23/08/2024 cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Hải D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ và cháu Y, mỗi cháu 2.070.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi (mức cấp dưỡng này thay đổi theo mức lương tối thiểu vùng). Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Nguyễn Hải D, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị P đã nộp theo biên lai số 0002188 ngày 29/01/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Cần Thơ thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị P đã nộp xong).

Buộc anh Nguyễn Hải D phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Hải D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo

quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- UBND xã Trường Long Tây, TP.
Cần Thơ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đua